

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư mới thôn Tân Dân, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Triệu Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới thôn Tân Dân, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn; Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND huyện Triệu Sơn về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn;

Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dân cư mới thôn Tân Dân, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn;

Theo Biên bản thẩm định kèm theo Công văn số 5877/STNMT - BVMT ngày 19/7/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư mới thôn Tân Dân, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 133/CV-QLDA ngày 30/12/2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 362/Tr-STNMT ngày 08/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư mới thôn Tân Dân, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khu dân cư mới thôn Tân Dân, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn,
tỉnh Thanh Hóa của UBND huyện Triệu Sơn

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của
 Chủ tịch UBND tỉnh)*

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Khu dân cư mới thôn Tân Dân, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Đại diện chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.

+ Người đại diện: ông Phạm Thế Khoa - Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

+ Địa chỉ liên hệ: thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

+ Điện thoại: 0237.3867.124; Fax: 0237.3867.124

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án: Dự án Khu dân cư mới thôn Tân Dân, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa được xây dựng trên khu đất có tổng diện tích là 63.387,9 m² với các hạng mục công trình chính bao gồm: San nền, giao thông, vỉa hè, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống cấp điện, trồng cây xanh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt khoảng 6,6m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 2,4m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 3,84m³/ngày; nước thải từ khu vực nhà ăn 0,36m³/ngày); Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 12 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 0,35m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 37,0kg/ngày. Thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Chất thải từ quá trình phát quang thảm thực vật khoảng 4,65 tấn; Đất bóc phong hóa là: 24.532 tấn; Vật liệu trong xây dựng rơi vãi: 1.978 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,...khối lượng khoảng 5,0kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 8,0lít/tháng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 139,2m³/ngày.đêm; trong đó: Nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: 69,6m³/ngày; Nước thải nhà vệ sinh: 27,84m³/ngày; Nước thải ăn uống: 41,76 m³/ngày; Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 1,004m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải... Thành phần bao gồm: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ khu dân cư khoảng 1.160 kg/ngày.đêm; Phát sinh từ khu vực công cộng khoảng 116,0kg/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, thức ăn thừa...

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng 12,7kg/ngày. Thành phần bao gồm: giẻ lau chùi máy móc, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

* *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:*

- Che chắn khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...); không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời tại những vị trí trũng thấp dẫn nước mưa về mương thoát nước phía Nam khu đất. Cuối mương, rãnh thoát nước bố trí các hố lắng (có thể tích 01 m³) để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải

vương vãi.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc để hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

** Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân thu gom xử lý tại 01 hồ lắng nước thải có dung tích 2,0m³ (kích thước 2,0m x 1,0m x 1,0m), nước thải từ nhà ăn dẫn vào 01 bể gạn dầu mỡ có dung tích 1,0m³ (kích thước 1,0m x 1,0m x 1,0m) bố trí tại khu lán trại để xử lý trước khi thoát ra mương thoát nước thải trên đường nối QL 47 và đường tỉnh lộ 514 đoạn qua khu vực dự án.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 06 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có kích thước: rộng 100cm x dài 240cm x cao 242cm; Định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

Nước thải từ quá trình rửa lốp xe trước khi ra khỏi công trường, rửa máy móc, thiết bị được thu gom về 01 hồ lắng nước thải xây dựng, hồ lắng có dung tích 7,0m³ (kích thước 2,0m x 1,75m x 2,0m) được xây bằng gạch, đáy đổ BTXM và gần khu vực cống ra vào công trường.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, phủ bạt kín các xe vận chuyển vật liệu.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 2- 4 lần/ngày và có thể tăng thêm tần suất vào những ngày nắng, nóng, khô hanh.

- Phun tưới nước dọc theo tuyến đường nối QL 47 và Tỉnh lộ 514 đoạn qua khu vực dự án bằng xe tưới nước dung tích 5,0m³ với tần suất 04 lần/ngày, trong điều kiện thời tiết hanh khô có thể tăng tần suất phun tưới nước lên 5 - 6 lần/ngày. Phạm vi tưới là 500m về 2 phía tính từ khu vực dự án.

- Bố trí công nhân quét dọn bùn đất vương vãi trong phạm vi dọc tuyến đường nối QL 47 và đường tỉnh lộ 514 đoạn qua khu vực dự án.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Trang bị 05 thùng nhựa composite dung tích 40lít/thùng và 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích 0,5m³/xe) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom

chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:*

+ Khối lượng chất thải phát sinh từ quá trình đào bóc hữu cơ dư thừa, thi công xây dựng được chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng đưa đi đổ thải (theo biên bản thống nhất vị trí đổ thải).

+ Khối lượng phát quang thảm phủ thực vật 4,65 tấn hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý theo quy định.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng dung tích 200 lít để chứa chất thải nguy hại, các thùng chứa có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt trong kho chứa tại khu lán trại của dự án. Kết thúc quá trình thi công xây dựng, đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh được phân dòng và xử lý cục bộ như sau:

+ *Nước thải từ vệ sinh:* Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực dự án.

+ *Nước thải từ tắm rửa, giặt giũ:* Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa PVC D110 riêng biệt tới hố lắng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực dự án.

+ *Nước thải phát sinh từ hoạt động ăn uống (nhà bếp):* Xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực dự án.

- *Trách nhiệm của UBND huyện Triệu Sơn:*

+ Thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải; thi công tuyến công thoát nước mưa và hướng thoát nước thải theo đúng thiết kế;

+ Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom nước thải từ khu vực dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung tại xã Minh Sơn, để sẵn các vị trí chờ tại các lô đất để các hộ gia đình đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải; Trên hệ thống thu gom nước thải chung về trạm xử lý nước thải tập trung của huyện tại xã Minh Sơn bố trí các trạm bơm để bơm nước thải về trạm xử lý, tránh gây ảnh hưởng ngập úng, không thoát nước nước thải gây ảnh hưởng đến vùng dự án; Trạm xử lý nước thải sinh hoạt được bố trí ở phía Tây Nam, trên đất xã Minh Sơn với công suất 5.000 m³/ng.đêm đã được phê duyệt (tại Quyết định số 4542/QĐ-UBND ngày 01/11/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa). Khoảng cách từ dự án đến Trạm xử lý tập trung khoảng 2,0 km.

+ Khẩn trương tìm nhà đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung theo Quy hoạch xây dựng chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt đảm bảo khi dự án đi vào hoạt động có trạm xử lý nước thải để xử lý nước thải sinh hoạt cho dự án. Thực hiện việc quan trắc nước thải định kỳ; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và đào tạo cán bộ vận hành hệ thống xử lý đảm bảo quá trình xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Triệu Sơn:* Quản lý việc xây dựng công trình xử lý nước thải sơ bộ tại các hộ gia đình gồm: Bể tự hoại xử lý nước thải vệ sinh, bể tách dầu mỡ xử lý nước thải nhà ăn, lưới chắn rác xử lý nước thải tắm giặt và đầu nối vào vị trí chờ trên mương thu gom nước thải do chủ đầu tư xây dựng; Thuê đơn vị môi trường có chức năng định kỳ nạo vét cống thoát nước 3-6 tháng/lần, hạn chế ách tắc dòng chảy, bốc mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:* Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; Xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý trước khi thải ra môi trường; Đầu nối nước thải vào đường ống chờ do chủ đầu tư lắp đặt để dẫn về hệ thống thoát nước chung của dự án.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- *Trách nhiệm của UBND huyện Triệu Sơn:* Trồng cây xanh dọc hai bên các tuyến đường giao thông, tại các vị trí quy hoạch cây xanh.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Triệu Sơn:* Thuê đơn vị vệ sinh môi trường thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lốp bánh xe; Những ngày nắng nóng phun nước tưới cây, rửa đường trong khu dân cư bằng xe tưới nước chuyên dụng; Tổ chức nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh; Kiểm tra sửa chữa, khắc phục các vị trí hư hỏng.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:* Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà; Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm; Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- *Trách nhiệm của UBND huyện Triệu Sơn:* Trang bị các thùng rác có nắp đậy đặt dọc tuyến đường để thu gom chất thải rắn phát sinh; Xây dựng khu vực tập kết chất thải tập trung (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt thông thường và chất thải nguy hại) với diện tích khoảng 20m² tại khu vực đất trồng cây xanh phía Đông Nam của khu đất dự án để tập kết chất thải tạm thời.

- *Trách nhiệm của UBND thị trấn Triệu Sơn:*

+ Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại chất thải rắn cho người dân trong khu dân cư;

+ Xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn cho khu dân cư phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

+ Thuê đơn vị môi trường khu vực có chức năng thu gom rác và đưa đi xử lý định kỳ 01 lần/ngày theo quy định, yêu cầu đơn vị thu gom rác phải thu gom riêng rác thải đã phân loại của người dân để có biện pháp xử lý phù hợp.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:*

+ Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn;

+ Thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa có nắp đậy để tránh sự phân huỷ của các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng do mùi hôi và nước rỉ rác;

+ Tập kết rác đúng thời gian quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường; không xả rác ra môi trường, nơi công cộng,...;

+ Nộp phí xử lý rác thải đầy đủ cho đơn vị thu gom xử lý.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- *Trách nhiệm của UBND huyện Triệu Sơn/UBND Thị trấn Triệu Sơn:* thường xuyên, kiểm tra, giám sát việc phân loại và thải bỏ chất thải nguy hại của người dân. Tuyên truyền cho người dân phân loại và bỏ vào thùng chứa “chất thải nguy hại” đúng quy định, không thải bỏ chất thải nguy hại cùng chất thải sinh hoạt; Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân để thu gom CTNH bỏ vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng; Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

- *Trách nhiệm của các hộ dân:* Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH theo quy định; Nộp phí xử lý chất thải nguy hại đầy đủ cho đơn vị chủ đầu tư để xử lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

TT	Danh mục công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Số lượng
1	Thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn		
-	Thùng chứa chất thải sinh hoạt (thông thường và nguy hại)	Thùng	580
-	Thùng chứa rác thải khu vực công cộng (thông thường và nguy hại)	Thùng	32
2	Hệ thống xử lý nước thải		
-	Bể tự hoại cải tiến Bastaf	bể	290
-	Bể tách dầu mỡ	bể	290
-	Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại xã Minh Sơn với công suất 5.000 m ³ /ng.đêm	Hệ thống	01

TT	Danh mục công trình xử lý môi trường	Đơn vị	Số lượng
3	Hệ thống xử lý khí		
	Lắp đặt ống thoát khí của bể tự hoại tại mỗi hộ gia đình	Cái	290

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường:

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

* *Giám sát chất lượng khí thải:*

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Vị trí giám sát:*

+ KT1: tại khu vực lán trại thi công dự án;

+ KT2: tại trung tâm khu vực dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 24: 2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26: 2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

* *Giám sát chất lượng nước thải*

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH; TSS; BOD₅; Sunfua; NH₄⁺ PO₄³⁻, dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt và Coliform.

- *Vị trí giám sát:*

+ NT1: Nước thải sau bể lắng nước thải sinh hoạt tại khu vực lán trại công nhân.

+ NT2: Nước thải tại hồ lắng nước thải xây dựng (hồ lắng nước thải rửa xe) trước khi thải ra môi trường.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

* *Giám sát chất thải rắn:*

- *Chỉ tiêu giám sát:* Tổng khối lượng rác thải thông thường, Tổng khối lượng chất thải nguy hại.

- *Vị trí giám sát:*

+ Khu vực tập kết rác thải cạnh lán trại công nhân.

4.2. Giai đoạn đi vào hoạt động:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

** Giám sát chất lượng nước thải*

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH; TSS; BOD₅; Sunfua; NH₄⁺, PO₄³⁻; dầu mỡ động thực vật; tổng các chất hoạt động bề mặt và Coliform.

- *Vị trí giám sát:*

+ Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 5.000 m³/ng.đêm tại xã Minh Sơn).

- *Quy chuẩn áp dụng:*

QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.